***Mẫu-6.1.a3***

|  |  |
| --- | --- |
| BỘ KHOA HỌC VÀ CÔNG NGHỆ **QUỸ ĐỔI MỚI CÔNG NGHỆ QUỐC GIA** | **CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM Độc lập - Tự do - Hạnh phúc** |
|  | *Hà Nội, ngày tháng năm 2022* |

**THUYẾT MINH**

**DỰ ÁN VAY VỐN TẠI QUỸ ĐỔI MỚI CÔNG NGHỆ QUỐC GIA**

**I. THÔNG TIN VỀ DOANH NGHIỆP ĐỀ NGHỊ VAY VỐN**

1. Tên doanh nghiệp:
2. Địa chỉ:
3. Điện thoại: Email:
4. Quyết định thành lập/Đăng ký kinh doanh/Đăng ký hoạt động KH&CN:
5. Ngành nghề kinh doanh:
6. Vốn điều lệ/ vốn pháp định:
7. Số tài khoản: tại Ngân hàng
8. Đại diện theo pháp luật của doanh nghiệp:

* Chức vụ:
* CMND / CCCD:                         nơi/ngày cấp:
* Điện thoại liên hệ: Email:

**II. TỔNG QUAN DỰ ÁN**

1. **Tên dự án:**
2. **Sự cần thiết thực hiện dự án**

(*Đánh giá về thực trạng công nghệ hiện có của doanh nghiệp và nhu cầu thay đổi công nghệ để tạo giá trị gia tăng của sản phẩm, đáp ứng yêu cầu của thị trường và nâng cao hiệu quả sản xuất của doanh nghiệp*).

1. **Căn cứ pháp lý của dự án**

*(Liệt kê các loại văn bản dưới đây có liên quan tới Dự án:*

- Các văn bản của Chính phủ về hỗ trợ, khuyến khích đầu tư.

- Văn bản chứng minh sự thống nhất trong nội bộ đơn vị về thực hiện dự án (biên bản cuộc họp, nghị quyết Hội đồng quản trị, Chương trình hoạt động của đơn vị được cấp có thẩm quyền thông qua…).

- Quyết định phê duyệt Dự án đầu tư[[1]](#footnote-1)

- Báo cáo khoa học đã được công bố trên tạp chí chuyên ngành, biên bản nghiệm thu nhiệm vụ KH&CN, quyết định công nhận tiến bộ KH&CN của cấp có thẩm quyền (nếu có); quyết định công nghệ giải thưởng chất lượng quốc gia; hợp đồng chuyển giao công nghệ đã ký tại TECHMART, TECHDEMO, TECHFEST quốc gia.

- Căn cứ khác:

1. **Mục tiêu của dự án:**
2. **Quy mô dự án:**

Tổng mức đầu tư của dự án được phê duyệt: đồng

Cơ cấu và nguồn vốn đầu tư:

*+ Vốn tự có: đồng, chiếm %;*

*+ Vốn đề nghị vay từ nguồn vốn của Quỹ: đồng, chiếm %*

*+ Vốn vay từ nguồn khác (nếu có): đồng, chiếm %*

1. **Thời hạn vay:**
2. **Địa điểm thực hiện dự án:**
3. **Thuộc đối tượng cho vay của Quỹ** *(tự lựa chọn ô phù hợp)*

* *Chuyển giao, đổi mới, hoàn thiện công nghệ được khuyến khích chuyển giao quy định tại Luật Chuyển giao công nghệ;*
* *Chuyển giao công nghệ, phát triển sản phẩm mới và thương mại hóa sản phẩm thuộc lĩnh vực nông nghiệp ứng dụng công nghệ cao, ngành công nghiệp công nghệ cao đã được Thủ tướng Chính phủ phê duyệt;*
* *Đổi mới công nghệ, sản xuất sản phẩm công nghiệp thuộc danh mục sản phẩm công nghiệp hỗ trợ ưu tiên phát triển được Thủ tướng Chính phủ phê duyệt;*
* *Triển khai thực hiện các hợp đồng chuyển giao công nghệ được ký kết tại các sàn giao dịch công nghệ, chợ công nghệ và thiết bị, sự kiện kết nối cung cầu công nghệ và ngày hội khởi nghiệp quốc gia;*
* *Cải tiến, đổi mới công nghệ, phát triển sản phẩm mới, mở rộng sản xuất đối với doanh nghiệp khởi nghiệp sáng tạo và doanh nghiệp khoa học và công nghệ theo quy định pháp luật về khoa học và công nghệ;*
* *Các hoạt động đổi mới công nghệ đối với các doanh nghiệp đạt Giải thưởng chất lượng quốc gia, các doanh nghiệp tham gia Chương trình nâng cao năng suất và chất lượng hàng hóa;*
* *Tiếp nhận chuyển giao, đổi mới, hoàn thiện công nghệ và đặc biệt là thương mại hóa công nghệ sau khi được phát triển trong Chương trình sản phẩm quốc gia, Chương trình đổi mới công nghệ quốc gia, Chương trình quốc gia phát triển công nghệ cao và các chương trình khoa học và công nghệ cấp quốc gia khác.*

**III. NỘI DUNG DỰ ÁN**

*(Các nội dung chính của dự án và kế hoạch tiến độ cần thực hiện trong Dự án để đạt được các mục tiêu đặt ra)*

**IV. SẢN PHẨM CỦA DỰ ÁN**

*(Mô tả sản phẩm cụ thể của dự án, trong đó SP được định lượng và có các chỉ tiêu kinh tế - kỹ thuật cần đạt được; khả năng cạnh tranh; giá bán (dự kiến) của sản phẩm, so sánh với sản phẩm cùng loại trên thế giới, khu vực, trong nước; thị trường tiêu thụ sản phẩm trong nước, xuất khẩu (nếu có). Giải trình hệ thống quản lý chất lượng của sản phẩm dự án phải đạt tiêu chuẩn quốc gia, tiêu chuẩn quốc tế theo từng chuyên ngành như TCVN ISO 9001:2015, CMM, GMP hoặc các tiêu chuẩn quốc gia, quốc tế khác)*

**V. CÔNG NGHỆ CỦA DỰ ÁN**

1. Tên công nghệ (*Xác định tên công nghệ của dự án phù hợp với đối tượng cho vay của Quỹ*)

2. Nguồn gốc xuất xứ công nghệ/ bản quyền công nghệ.

3. Sơ đồ và quy trình công nghệ

(- *Vẽ sơ đồ quy trình công nghệ với những công đoạn công nghệ chủ yếu. Nêu rõ yêu cầu thông số đầu vào và thông số đầu ra của quy trình công nghệ.*

*- Mô tả chức năng của những công đoạn công nghệ chủ yếu trong quy trình công nghệ . Nêu rõ yêu cầu thông số kỹ thuật của đầu vào, đầu ra tại từng công đoạn công nghệ chủ yếu.*

*- Giải thích tính tiên tiến, tính mới của công nghệ hoặc một số công đoạn công nghệ chủ yếu so với công nghệ đã thực hiện hoặc công nghệ hiện có tại Việt Nam*)

4. Công nghệ đã được áp dụng vào thực tế (hoặc chưa được áp dụng vào thực tế).

5. Nội dung đổi mới / hoàn thiện công nghệ:

*(- Nêu rõ sự thay thế toàn bộ công nghệ hay một số công đoạn công nghệ chủ yếu bằng công nghệ mới. Phân tích sự thay đổi thiết bị sản xuất ở từng công đoạn công nghệ trong quy trình sản xuất, đặc biệt là những công đoạn công nghệ mang tính quyết định đến chất lượng và tính cạnh tranh của sản phẩm. Đối với những công đoạn có sự thay đổi cần có sự so sánh chức năng, thông số kỹ thuật đầu ra của thiết bị mới so với thiết bị được thay thế.*

*- Hoàn thiện công nghệ : Nêu rõ những hoạt động làm cho toàn bộ công nghệ hoặc một số công đoạn công nghệ được nâng lên mức cao và tối ưu hóa dây chuyền công nghệ. Phân tích sự hoàn thiện thiết bị sản xuất ở từng công đoạn công nghệ trong quy trình sản xuất, đặc biệt là những công đoạn công nghệ mang tính quyết định đến chất lượng và tính cạnh tranh của sản phẩm. Đối với những công đoạn có sự hoàn thiện cần có sự so sánh chức năng, thông số kỹ thuật đầu ra của thiết bị được hoàn thiện so với thiết bị cũ).*

**VI. TỔ CHỨC THỰC HIỆN**

1. **Khả năng đảm bảo nguồn lực đầu vào của công nghệ (phi tài chính)**

a) Nguồn nhân lực thực hiện dự án.

(*Nêu rõ số lượng và trình độ, kỹ năng của đội ngũ quản lý, cán bộ chuyên môn và lực lượng lao động. Nêu rõ sự liên kết, hợp tác của doanh nghiệp với các tổ chức khoa học và công nghệ, chuyên gia bên ngoài, nếu có)*

b) Hạ tầng kỹ thuật

*(Nhà xưởng, năng lượng, nước, giao thông, hạ tầng thông tin, logistics và các yêu cầu chuyên dụng khác);*

c) Vật tư, thiết bị cho sản xuất ;

d) Nguồn thông tin và việc xử lý thông tin phục vụ cho triển khai dự án

đ) Nội dung khác (nếu có)

1. **Kinh phí thực hiện dự án**

a) Nguồn vốn, giải pháp và kế hoạch huy động vốn

b) Kế hoạch trả nợ.

1. **Phân tích và đánh giá các nội dung khác liên quan đến triển khai dự án**

- Địa điểm thực hiện dự án:

*(Nêu rõ địa chỉ cụ thể, thuận lợi và hạn chế về hạ tầng như giao thông, thông tin, điện nước,... của địa điểm triển khai dự án); nhà xưởng, mặt bằng hiện có (m2), dự kiến cải tạo, mở rộng,...*

- Phân tích về chiến lược và năng lực tiếp thị

*(Phương án tiếp thị sản phẩm của dự án; các phương thức hỗ trợ tiêu thụ sản phẩm dự án; phương án tổ chức mạng lưới phân phối sản phẩm)*

1. **Tác động môi trường** (*báo cáo ĐTM, phương án xử lý chất thải, các nguồn tác động xấu không liên quan đến chất thải) (nếu có)*
2. **Vấn đề khác** *(nếu có)*

**VII. TÍNH KHẢ THI CỦA DỰ ÁN**

*(Phân tích tính khả thi của dự án, điểm mạnh, điểm yếu, cơ hội, nguy cơ và rủi ro của dự án, thuyết minh nội dung theo các bảng sau)*

***Bảng 1: Các chỉ tiêu phản ánh quy mô sản xuất kinh doanh***

|  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- |
| STT | Chỉ tiêu | Trước đầu tư | Sau đầu tư | Chênh lệch |
| 1 | Doanh thu thuần bán hàng |  |  |  |
| 2 | Tổng chi phí SXKD |  |  |  |
| 3 | Tổng chi phí nhân công |  |  |  |
| 4 | Tổng lợi nhuận trước thuế |  |  |  |
| 5 | Tổng lợi nhuận sau thuế |  |  |  |
| 6 | Tổng số người lao động |  |  |  |

\* Về năng suất lao động: Các chỉ tiêu tài chính cần trình bày đó là Hệ số doanh thu thuần trên người lao động, Hệ số chi phí nhân công trên người lao động, Hệ số doanh thu thuần trên chi phí nhân công.

Việc tính toán cho trường hợp trước đầu tư và sau đầu tư được tính bình quân trong 3 năm liền kề theo phương pháp bình quân số học giản đơn.

***Bảng 2: Các chỉ tiêu phản ánh năng suất lao động***

|  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- |
| STT | Chỉ tiêu | Trước đầu tư | Sau đầu tư | Chênh lệch |
| 1 | Hệ số chi phí nhân công trên người lao động = Tổng chi phí nhân công/Tổng số người lao động |  |  |  |

\* Về năng suất vốn đầu tư: Các chỉ tiêu tài chính cần trình bày đó là vòng quay tổng vốn, Hiệu suất sử dụng vốn cố định, Hiệu suất sử dụng TSCĐ.

Việc tính toán cho trường hợp trước đầu tư và sau đầu tư được tính bình quân trong 3 năm liền kề theo phương pháp bình quân số học giản đơn.

***Bảng 3: Các chỉ tiêu phản ánh năng suất vốn đầu tư***

|  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- |
| STT | Chỉ tiêu | Trước đầu tư | Sau đầu tư | Chênh lệch |
| 1 | Vòng quay tổng vốn = Doanh thu thuần bán hàng/ Tổng vốn kinh doanh bình quân trong năm |  |  |  |

\* Về hiệu quả đầu tư:

- Các chỉ tiêu tài chính cần trình bày đó là Giá thành đơn vị sản phẩm, Hệ số doanh thu thuần trên tổng chi phí SXKD, Tỷ suất lợi nhuận trên vốn kinh doanh (ROA), tỷ suất lợi nhuận trên vốn chủ sở hữu (ROE)

Việc tính toán cho trường hợp trước đầu tư và sau đầu tư được tính bình quân trong 3 năm liền kề theo phương pháp bình quân số học giản đơn.

***Bảng 4: Các chỉ tiêu phản ánh hiệu quả vốn đầu tư***

|  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- |
| STT | Chỉ tiêu | Trước đầu tư | Sau đầu tư | Chênh lệch |
| 1 | Giá thành đơn vị sản phẩm |  |  |  |
| 2 | Hệ số doanh thu thuần trên tổng chi phí = Doanh thu thuần bán hàng/Tổng chi phí SXKD |  |  |  |
| 3 | ROA = Tổng lợi nhuận sau thuế/Vốn kinh doanh bình quân |  |  |  |
| 4 | ROE = Tổng lợi nhuận sau thuế/ Tổng vốn chủ sở hữu bình quân |  |  |  |

- Các chỉ tiêu phản ánh hiệu quả của cả vòng đời dự án (n là thời gian theo vòng đời của dự án đầu tư đổi mới công nghệ)

***Bảng 5: Bảng tính dòng tiền của dự án đầu tư***

|  |  |  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- |
| STT | Chỉ tiêu | Năm 0 | Năm 1 | Năm 2 | … | Năm n |
| 1 | Lợi nhuận sau thuế trước lãi vay tăng thêm do đầu tư tạo ra |  |  |  |  |  |
| 2 | Chi phí khấu hao tăng thêm do đầu tư tạo ra |  |  |  |  |  |
| 3 | Vốn lưu động bổ sung được thu hồi (nếu có) |  |  |  |  |  |
| 4 | Thu thuần thanh lý TSCĐ được đầu tư khi kết thúc vòng đời dự án (nếu có) |  |  |  |  |  |
| 5 | Tổng vốn đầu tư = Vốn đầu tư đổi mới công nghệ + Vốn lưu động bổ sung (nếu có) |  |  |  |  |  |
| 6 | Dòng tiền thuần tăng thêm của dự án = (1) + (2) + (3) +(4) – (5) |  |  |  |  |  |

***Bảng 6: Các chỉ tiêu phản ánh hiệu quả dự án đầu tư***

|  |  |  |
| --- | --- | --- |
| STT | Chỉ tiêu | Sau khi thực hiện dự án đầu tư |
| 1 | Thời gian hoàn vốn đầu tư |  |
| 2 | Giá trị hiện tại thuần (NPV) (Được chiết khấu theo lãi suất vay vốn từ NHTM) |  |
| 3 | Tỷ suất sinh lợi nội bộ (IRR) |  |

**VIII. DỰ KIẾN HIỆU QUẢ CỦA VIỆC THỰC HIỆN DỰ ÁN**

* 1. **Dự kiến hiệu quả kinh tế của dự án**

Mô tả về hiệu quả kinh tế do thực hiện thành công dự án, thay đổi trên các mặt so với trước khi thực hiện dự án

* 1. **Dự kiến hiệu quả về xã hội**

Mô tả hiệu quả về xã hội do thực hiện thành công dự án so với trước khi thực hiện dự án, trên các mặt:

- Mức độ đóng góp, tác động dẫn đầu, lan tỏa đối với sự phát triển ngành, lĩnh vực, khu vực, địa phương.

- Giải quyết vấn đề việc làm (*xóa đói giảm nghèo, nâng cao dân trí, giải quyết việc làm cho bao nhiêu lao động, thu hút cán bộ khoa học trẻ, mức thu nhập tăng như thế nào so với trước khi thực hiện dự án, khác…)*

|  |  |
| --- | --- |
|  | **ĐẠI DIỆN DOANH NGHIỆP ĐỀ NGHỊ VAY VỐN**  *(Họ tên, chữ ký, đóng dấu)* |

1. Đây là dự án đầu tư của Doanh nghiệp đã được phê duyệt theo quy định của pháp luật (là điều kiện tiên quyết phải có). Trong dự án này phải có nội dung về KH&CN là cơ sở để hình thành Dự án vay vốn Quỹ ĐMCN quốc gia này. [↑](#footnote-ref-1)